



**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HƯNG THỊNH
VINAWEALTH (VEOF)**

ĐIỀU LỆ QUỸ

Sửa đổi lần 1 ngày: 05/08/2015

Sửa đổi lần 2 ngày: 19/04/2016

Sửa đổi lần 3 ngày: 19/08/2016

Sửa đổi lần 4 ngày: 31/05/2018

Tháng 05 năm 2018



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ	9
Chương I: Các Điều Khoản Chung	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	9
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	9
Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	10
Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ	10
Điều 6. Ngân hàng giám sát.....	10
Chương II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư.....	10
Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VEOF.....	10
Điều 8. Chiến lược đầu tư.....	10
Điều 9. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....	14
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	14
CHƯƠNG III: Nhà Đầu tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư Và Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ.....	15
Điều 12. Nhà Đầu tư và tài khoản Nhà Đầu tư.....	15
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư.....	16
Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư.....	17
Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	17
Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ	21
Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán/ phát hành, giá mua lại Đơn vị Quỹ VEOF	22
Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ	23
Chương IV: Đại hội Nhà Đầu tư.....	23
Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư.....	23
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư.....	24
Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư	24
Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư	25
Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	27
Chương V: Ban Đại diện Quỹ	27
Điều 24. Ban Đại diện Quỹ.....	27
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	28

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ	28
Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	30
Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ	30
Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ	30
Điều 30. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ	31
Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ	31
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	31
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ	31
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ	36
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ	36
Chương VII: Ngân hàng giám sát	38
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	38
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	38
Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát	39
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát	42
Chương VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan	43
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền	43
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	43
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	43
Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	44
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	45
Chương IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh	46
Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở	46
Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối	46
Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ	47
Chương X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo	48
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	48
Điều 48. Năm tài chính	49
Điều 49. Chế độ kế toán	49
Điều 50. Báo cáo tài chính	49
Điều 51. Báo cáo khác	49
Chương XI: Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	49
Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng	49
Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	50

Điều 54. Quy trình định giá tài sản quỹ	50
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, quỹ	51
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	52
Chương XII: Lợi Nhuận Và Chi Phí Quản Lý	52
Điều 57. Lợi nhuận của quỹ	52
Điều 58. Chi phí hoạt động của quỹ.....	53
Chương XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ.....	54
Điều 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập	54
Điều 60. Các điều kiện tách quỹ.....	54
Điều 61. Các điều kiện giải thể quỹ.....	54
Chương XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích.....	55
Điều 62. Kiểm soát xung đột lợi ích.	55
Chương XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ	55
Điều 63. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư.....	55
Điều 64. Sửa đổi, bổ sung điều lệ	56
Điều 65. Đăng ký điều lệ.....	56
Điều 66. Điều khoản thi hành.....	56
Các Phụ lục Đính Kèm.....	56
Phụ lục số 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quỹ.....	57
Phụ lục số 2: Cam Kết Của Ngân hàng giám sát	59
Phụ lục số 3: Cam Kết Chung Của Công ty Quản lý Quỹ Và Ngân hàng giám sát	60
Phụ lục số 4: Phương Pháp Xác Định Giá trị tài sản ròng của Quỹ VEOF	61

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VEOF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 04 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 06 năm 2017
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở; Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ" hoặc "Quỹ VEOF"	Là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWealth, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Công ty Quản lý Quỹ"	Là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital (sau đây được gọi tắt là "VinaCapital"), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/04/2008. Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2018 hoặc bất kể Công ty Quản lý Quỹ nào khác được chỉ định thay thế.

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được uỷ thác quản lý Quỹ VEOF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.

"Ngân hàng giám sát"	Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVN"), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 hoặc bất kỳ Ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VEOF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VEOF và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định.
"Điều lệ Quỹ VEOF"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư thảo luận phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.
"Nhà Đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội Nhà Đầu tư"	Là đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ ban đầu"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này. Trong quá trình hoạt động, vốn của Quỹ thay đổi thì Vốn điều lệ của Quỹ sẽ thay đổi tương ứng.
"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.

"Chứng chỉ Quỹ đầu tư VEOF"	(Sau đây gọi là Chứng chỉ Quỹ - CCQ) là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành được quy định tại Bản cáo bạch; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm phí phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Bản cáo bạch.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Phí quản lý quỹ"	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Phí phát hành/phi mua lại"	Là phí mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và phí mua tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại Quy định tại điều lệ này.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị Tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ.
"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ T"	Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 15 Điều lệ này và Bản cáo bạch của Quỹ.
"Quỹ mở"	Là quỹ đại chúng mà Chứng chỉ Quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của Nhà Đầu tư.
"Thông tin nội bộ"	Là thông tin liên quan đến công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty đại chúng hoặc quỹ đại chúng đó (Khoản 32 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11).

"Người biết thông tin nội bộ"	Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 33 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11)
"Người Có Liên Quan"	Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán 70/2006/QH11)
"Giấy tờ có giá"	Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác theo Khoản 8 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12.
"Ngày"	Là ngày làm việc theo dương lịch, trừ các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật và/hoặc các ngày nghỉ theo Chính sách/Quy định nội bộ của Công ty quản lý Quỹ
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là các dịch vụ được chi tiết tại khoản 27 Điều 2 Thông tư 183/2011/TT-BTC ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011

III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ

Chương I: Các Điều Khoản Chung

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth

Tên tiếng Anh: VinaWealth Equity Opportunity Fund

Tên viết tắt: VEOF

Địa chỉ liên hệ:

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Tầng 5, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ VEOF là Quỹ đại chúng dạng mở mà Chứng chỉ Quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của Nhà Đầu tư.

Đại hội Nhà Đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gồm tất cả các Nhà Đầu tư, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ đầu tư chứng khoán.

Ban Đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định là đại diện theo pháp luật của Quỹ.

Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động Quỹ VEOF do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tài sản của Quỹ VEOF được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.¹

Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

Vốn Điều lệ ban đầu là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và không thấp hơn 50 tỷ đồng. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.

Nhà Đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.

Trong quá trình hoạt động, vốn của Quỹ thay đổi thì điều khoản này thay đổi tương ứng.

¹ Khoản 1 điều 35 thông tư 183/2011/TT-BTC

Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.

Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 31/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 14 tháng 04 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012, Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 09 năm 2012, Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 06 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 10 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10 tháng 07 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02 tháng 05 năm 2018

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

Điều 6. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam) ("SCBVN"), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Địa chỉ: Phòng 1810 - 1815, Tầng 18, Tòa nhà Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 32 48 43 55

Chương II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư

Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VEOF

Mục tiêu đầu tư của Quỹ đầu tư VEOF là tìm kiếm, nắm bắt các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán, hướng đến tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu tư.

Điều 8. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của quỹ đầu tư VEOF được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa vào phân tích, đánh giá yếu tố kinh tế vĩ mô, yếu tố thị trường, chu kỳ kinh tế. Chiến lược đầu tư của quỹ đầu tư VEOF bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào (1) cổ phiếu có vốn hóa lớn, mang tính đại diện cho ngành, nghề trong nền kinh tế; (2) cổ phiếu của các công ty có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 1 đến 3 năm tới; (3) cổ phiếu đang bị định giá thấp; (4) cổ phiếu có lợi tức cao, ổn định.

Những giai đoạn khác nhau sẽ có những cơ hội đầu tư khác nhau và từ đó chiến lược đầu tư sẽ được thay đổi phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội gia tăng lợi nhuận cho quý.

8.1 Ngành nghề đầu tư:

Quý không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, và không có chiến lược tập trung vào ngành nào. Tuy nhiên, Quý VEOF sẽ đầu tư vào các ngành chủ chốt trong nền kinh tế Việt Nam, có mức độ phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam, và không phụ thuộc nhiều vào biến động kinh tế của các quốc gia ngoài Việt Nam. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quý VEOF sẽ bao gồm các ngành:

- a) Bảo hiểm - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- b) Thực phẩm - Nước giải khát – Hàng tiêu dùng
- c) Vật liệu - Khai khoáng
- d) Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- e) Tiện ích công cộng
- f) Năng lượng
- g) Dịch vụ Bán lẻ
- h) Dược phẩm – Y tế
- i) Vận tải
- j) Trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại giấy tờ có giá khác

Hàng năm, Người điều hành quỹ sẽ phân tích các ngành nghề để tìm các cơ hội đầu tư, và sẽ ưu tiên các ngành có tiềm năng nhất trong năm đó.

8.2 Cơ cấu đầu tư

- a) Quý có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quý là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.
- b) Quý có mục tiêu đầu tư vào danh mục cổ phiếu, với tỷ lệ phân bổ kỳ vọng đến 100% vào cổ phiếu. Tuy nhiên, mức phân bổ kỳ vọng này được xác định trong điều kiện thị trường bình thường và thuận lợi. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động so với tỷ trọng phân bổ kỳ vọng tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quý vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ

phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi và sẽ thấp hơn khi thị trường bất ổn.

- c) Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quý và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quý vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quý có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ này và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

8.3 Các loại tài sản Quý được phép đầu tư:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) trái phiếu, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - ii. Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 8 phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 9. Hạn chế đầu tư

9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VEOF bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- b) Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại có liên quan;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

9.2 Trừ trường hợp quy định tại điểm h, i, k khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư.
- d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

9.3 Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

9.4 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

10.1 Công ty Quản lý Quỹ không được

- a) Sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Điều lệ này.
- b) Vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- c) Sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

10.2 Quỹ VEOF được thực hiện giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ (ng nghiệp vụ Repo) theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

11.1 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá.

Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

11.2 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với chứng khoán vốn.

- a) VinaCapital xây dựng quy định thẩm định đầu tư bao gồm phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Trong đó:
 - Phân tích ngành bao gồm phân tích chu kỳ kinh tế, tiềm năng tăng trưởng, lợi nhuận, rủi ro, chính sách của Chính phủ. VinaCapital sẽ lựa chọn những ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt, ít bị tác động của kinh tế vĩ mô, lập danh sách những cổ phiếu tốt trong ngành cho việc lựa chọn công ty sẽ đầu tư.
 - Phân tích công ty bao gồm phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh, bộ máy quản trị, tính minh bạch, đánh giá tiềm năng tăng trưởng, đánh giá các chỉ số tài chính.
- b) Định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm, VinaCapital thực hiện theo dõi, cập nhật thông tin, cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh các công ty đã đầu tư để đưa ra quyết định kịp thời về khoản mục đầu tư đó.

CHƯƠNG III: Nhà Đầu tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư Và Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ

Điều 12. Nhà Đầu tư và tài khoản Nhà Đầu tư

12.1 Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. Nhà Đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.

12.2 Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, hoặc đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh cung cấp. Nhà Đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

- a) Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà Đầu tư theo quy định);
- b) Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của Đại lý ký danh theo quy định (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà Đầu tư).

12.3 Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện hoặc yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý ký danh, Đại lý phân phối tổng hợp và thẩm định thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo các nội dung quy định. Trường hợp yêu cầu thông tin về Nhà Đầu tư không được đáp ứng, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối có quyền từ chối không mở tài khoản, tiểu khoản cho Nhà Đầu tư.

12.4 Tài khoản, tiểu khoản của Nhà Đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số tài khoản giao dịch/ số tiểu khoản giao dịch;
- b) Số lượng Đơn vị Quỹ;
- c) Số lượng Đơn vị Quỹ tăng/giảm, lý do việc tăng/giảm;
- d) Các thông tin cá nhân khác của Nhà Đầu tư theo quy định.

12.5 Việc quản lý tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh phải bảo đảm nguyên tắc sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải mở, quản lý tài khoản độc lập, tách biệt tới từng đại lý ký danh và từng Nhà Đầu tư. Đại lý phân phối có trách nhiệm cập nhật thông tin về các hoạt động mở, đóng tài khoản của Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- b) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính;

- c) Đại lý ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản của từng Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính. Quy định này không áp dụng đối với đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.6 Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư.

12.7 Trước khi mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quý, Nhà Đầu tư nước ngoài, phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với Nhà Đầu tư ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện giao dịch thông qua tài khoản ký danh của đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.8 Trước khi mở tài khoản ký danh, đại lý ký danh ở nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

12.9 Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đại lý ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản. Quy định này không áp dụng cho đại lý ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

13.1 Nhà Đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt quỹ mua lại Chứng chỉ Quý hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quý theo đúng quy định của Điều lệ;
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư;
- e) Tự ứng cử và/ hoặc đề cử thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điều khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này;
- f) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

13.2 Nhà Đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- b) Hoàn tất việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quý và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quý;

- c) Điền đầy đủ và hợp lệ các phiếu đăng ký, phiếu lệnh và cung cấp các chứng từ cần thiết khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và/ hoặc các giao dịch khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc theo quy định của pháp luật.
- d) Kịp thời cập nhật cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và đại lý phân phối có liên quan những thay đổi thông tin cá nhân của Nhà Đầu tư.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư

14.1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.

14.2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- a) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- b) Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
- c) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính).

14.3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh (trừ Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên sổ chính, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

15.1 Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ VEOF

15.1.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời sẽ được đệ trình tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Việc giảm tần suất giao

dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

15.1.2 Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc được gửi tới Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đăng ký giao dịch tại mọi đại lý phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

15.1.3 Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo quy định. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

15.1.4 Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh ngày T-1 sẽ được xử lý như sau: lệnh mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được dời đến kỳ giao dịch kế tiếp trừ khi Nhà đầu tư có chỉ thị khác, lệnh bán và lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được tự động hủy.

15.1.5 Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch theo đúng quy định.

15.1.6 Thời điểm đóng sổ lệnh không muộn quá 10 giờ 30 phút sáng tại ngày gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

15.1.7 Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và đại lý ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo đúng quy định.

15.1.8 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có từ hai quỹ mở và có quy định tại điều lệ các quỹ và Bản cáo bạch, Nhà Đầu tư được chuyển đổi quỹ. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Lệnh bán đối với chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
- b) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các Quỹ tương ứng;
- c) Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi theo quy định tại Điều lệ Quỹ và/ hoặc Bản cáo bạch, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này;
- d) Việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ chỉ được thực hiện đối với cùng một chương trình đầu tư giữa các Quỹ, không thực hiện chuyển đổi giữa các chương trình đầu tư khác nhau;

15.1.9 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định.

15.1.10 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các đại lý cung cấp dịch vụ xây dựng quy trình và thủ tục thực hiện các lệnh mua, bán, chuyển đổi, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán theo đúng quy định và được công bố trong Bản cáo bạch và/ hoặc quy trình giao dịch đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

15.1.11 Giá trị mua tối thiểu, số lượng đăng ký bán tối thiểu và số lượng chứng chỉ tối thiểu duy trì trong tài khoản sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định và được quy định và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

15.1.12 Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế ...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại; việc thanh toán phí chuyển nhượng phi thương mại được trình bày tại trang điện tử chính thức của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital.
- Nhà Đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Nhà Đầu tư/ người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

15.2 Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

15.2.1 Việc thực hiện lệnh mua của Nhà Đầu tư, đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a) Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ hoặc được Ngân hàng giám sát xác nhận theo quy định tại điểm c khoản này. Đại lý ký danh thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và đại lý ký danh;
- b) Nhà Đầu tư/ người được Nhà Đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi;
- c) Ngân hàng giám sát xác nhận với VinaCapital, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, đại lý ký danh;
- d) Giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu quy định tại Điều lệ này và đã được công bố tại Bản cáo bạch;

- e) Số lượng Đơn vị Quỹ bán cho Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

15.2.2 VinaCapital mở tài khoản tiền của quý tại Ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát theo quy định để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.

15.2.3 Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của quý tại Ngân hàng giám sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho quý, với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng, kể từ ngày quý nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư.

15.3 Lệnh bán chứng chỉ Quỹ

15.3.1 Việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối, đại lý ký danh hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà Đầu tư có đủ số lượng Đơn vị Quỹ để bán theo yêu cầu, và số lượng Đơn vị Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tài khoản, tiểu khoản quy định tại Điều lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch;
- b. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Quỹ;
- c. Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh có liên quan;
- d. Thời hạn thanh toán không quá bốn (04) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Quỹ và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

15.3.2 Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 15.3.1 như trên, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu tư.

15.3.3 VinaCapital được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ và phải báo cáo Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất;
- b. Được Nhà Đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- c. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán tối thiểu năm mươi (50) tỷ đồng;

- d. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ.

15.3.4 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản 15.3.3 Điều này.

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

16.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới:
- Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư đã được quy định tại và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số Đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và được công bố tại Bản cáo bạch.

16.2 Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các lệnh theo quy định tại Điều 16.1 trên đây phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

16.3 Việc thực hiện một phần các lệnh theo quy định tại Điều 16.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần còn lại của các lệnh chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện phần lệnh bị hủy, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản sẽ không áp dụng trong trường hợp các lệnh chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 16.1.

16.4 Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

16.5 Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc

- b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ; hoặc
- c) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng cung cấp dịch vụ của Công Ty Quản lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng; hoặc
- d) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xét thấy là cần thiết.

16.6 Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

16.7 Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ thực không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.

16.8 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

16.9 Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá bán/ phát hành, giá mua lại Đơn vị Quỹ VEOF

17.1 Giá phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quy định và đã được công bố tại Bản cáo bạch.

17.2 Giá bán/ phát hành một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với phí phát hành.

17.3 Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi phí mua lại.

17.4 Phí mua lại, phí phát hành, phí chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức phí tối đa phải được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Các mức phí cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Phí phát hành không được vượt quá mức tối đa theo quy định của pháp luật.

17.5 Ngoại trừ các khoản phí do quỹ phải trả theo quy định tại Điều lệ Quỹ, phí phát hành, phí mua lại (nếu có), phí chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản phí nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức được ủy quyền, đại lý phân phối khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

17.6 Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của công ty và/ hoặc tổ chức phân phối. Thời điểm công bố thông tin liên quan đến Bản cáo bạch sửa đổi là trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát sinh sửa đổi

17.7 Toàn bộ phí phát hành lần sau, phí mua lại Chứng chỉ Quỹ còn lại sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và đại lý ký danh căn cứ trên hợp đồng phân phối, phần còn lại sẽ được chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Việc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ do thừa kế sẽ tuân theo quy trình chuyển nhượng phi thương mại tại Điểm 12 Khoản 1 Điều 15 Điều lệ này.

Chương IV: Đại hội Nhà Đầu tư

Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư

19.1 Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VEOF và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong danh sách chốt quyền tham dự đại hội đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư.

19.2 Đại hội Nhà Đầu tư hàng năm do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời gian ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.

19.3 Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;

19.4 Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất

thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư bao gồm

- a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;
- b) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- c) Thay đổi mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
- d) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ;
- e) Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách quỹ;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
- g) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;
- h) Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.
- i) Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

21.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười (10) ngày trước khi tiến hành đại hội.

21.2 Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

21.3 Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.

21.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không lệ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.

21.5 Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà Đầu tư

- a) Đại hội Nhà Đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.

- b) Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quý chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại diện Quý hoặc các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quý chỉ định một thành viên đứng ra chủ trì.

21.6 Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quý.

21.7 Thể thức, hình thức họp của Đại hội Nhà Đầu tư do Ban Đại diện Quý quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

22.1 Mỗi Đơn vị Quý sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty Quản lý Quý, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quý được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.

22.2 Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết và lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Quý.

22.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 điều 19 của Điều lệ này:

- a) Công ty Quản lý Quý có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà Đầu tư.
- b) Công ty Quản lý Quý phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm qua đường bưu điện và/hoặc thư điện tử đến địa chỉ được đăng ký của từng Nhà Đầu tư.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, Quý.
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quý của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quý phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quý.

- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư là pháp nhân.
- e) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ theo đường bưu điện phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ qua fax, hoặc qua thư điện tử phải được giữ bí mật cho đến khi kiểm phiếu. Đối với phương thức gửi ý kiến qua thư điện tử, Công ty Quản lý Quỹ phải ghi rõ địa chỉ hộp thư điện tử (email) tiếp nhận, nhà đầu tư thể hiện phải scan phiếu lấy ý kiến đã điền đầy đủ thông tin và gửi về địa chỉ hộp thư điện tử (email) tiếp nhận được Công ty Quản lý Quỹ ghi trong thông báo họp hoặc phiếu lấy ý kiến. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- f) Công ty Quản lý Quỹ phải thành lập ban kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, Quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Nhà Đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo Phụ lục danh sách Nhà Đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ;
- g) Các thành viên Ban Đại diện Quỹ và Người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- h) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và của UBCKNN trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;
- i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ;

22.4 Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

22.5 Đối với các nội dung quy định tại điểm b, c và d Điều 20 Điều lệ này, Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

22.6 Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này, đồng thời, số Nhà Đầu tư tham dự Đại hội đại diện cho dưới năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 4 hoặc điểm a khoản 5 Điều này.

22.7 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.

22.8 Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

22.9 Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.

22.10 Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VinaCapital.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản b, c và d Điều 20 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác của Công ty Quản lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý ký danh. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán phí mua lại, phí chuyển đổi.

Chương V: Ban Đại diện Quỹ

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ

24.1 Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản

lý Quỹ và Ngân hàng giám sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn. Ban đại diện nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

21.2 Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

21.3 Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

25.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- a) Là Nhà Đầu tư, nhóm Nhà Đầu tư đại diện ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong thời gian ít nhất 6 tháng liên tục; hoặc
- b) Chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được Công ty Quản lý Quỹ và/ hoặc Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ hiện tại đề cử.

25.2 Thành viên Ban Đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng chỉ Quỹ.

25.3 Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

26.1 Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ bao gồm:

- a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư.
- b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;

- c) Chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán).
- d) Phê duyệt các giao dịch tài sản của quỹ với thành viên Ban Đại diện Quỹ. Trong trường hợp này, thì thành viên có giao dịch liên quan không được tham gia biểu quyết.
- e) Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- f) Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, f, g, h và i Điều 20 Điều lệ này.
- g) Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

26.2 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm f khoản 1 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

26.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

26.4 Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban Đại diện Quỹ được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Ban Đại diện Quỹ được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập không thường xuyên của thành viên Ban Đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đã bao gồm các khoản chi phát sinh khi điều hành và/ hoặc tham gia các buổi họp Ban Đại diện Quỹ;
- c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của quỹ và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.

26.5 Quy định tại khoản 26.4 Điều này không áp dụng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ đồng thời là nhân sự của Công ty Quản lý Quỹ.

26.6 Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Ban Đại diện Quý liên quan tới các nội dung quy định tại điểm b, c Điều 20 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quý trong các trường hợp và theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.

Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quý

27.1 Đại hội Nhà Đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quý trong số các thành viên Ban Đại diện Quý. Chủ tịch Ban Đại diện Quý phải là thành viên độc lập.

27.2 Chủ tịch Ban Đại diện Quý có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quý;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quý;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quý;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quý.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quý

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quý được Chủ tịch Ban Đại diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quý. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quý theo nguyên tắc đa số. Việc bầu lại thành viên Ban Đại diện Quý thay thế sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quý

29.1 Thành viên Ban Đại diện Quý bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

- a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
- b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quý do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
- d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.

29.2 Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

- a) Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quý khi có Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quý;
- c) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quý trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quý;

e) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

29.3 Thủ tục đình chỉ hoặc bãi miễn nhiệm thành viên trong kỳ theo quy định tại điểm b, c, d và e khoản 2 điều này:

- a) Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ được chỉ định (trường hợp chủ tịch là người vi phạm) triệu tập cuộc họp thành viên Ban Đại diện Quỹ về những vi phạm của thành viên Ban Đại diện Quỹ có liên quan.
- b) Ban Đại diện Quỹ thông qua nội dung bãi miễn nhiệm thành viên vi phạm và công bố thông tin theo quy định.

Điều 30. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

30.1 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập cuộc họp Ban Đại diện Quỹ bất thường.

30.2 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.

30.3 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

30.4 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua theo nguyên tắc quá bán. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trong mọi trường hợp quyết định của Ban Đại diện Quỹ chỉ được thông quan khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.

30.5 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.

Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- b) Độc lập với Ngân hàng giám sát;
- c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

32.1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.

- b) Quản lý Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ, chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua;
- c) Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:
- i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ soát sổ dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ;
 - iii. Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - iv. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
 - vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch
- d) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản

thân Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

- e) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- i. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu tư.
- Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
- f) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.
- g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- h) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Quỹ.
- i) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- j) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý Quỹ hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

- k) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trich lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm j khoản này.
- l) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- m) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- n) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
- i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
 - ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.
- o) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- p) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:
- i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

- q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

32.2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Có quyền nhận phí quản lý quỹ và thưởng theo hoạt động phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;
- e) Có quyền hoạt động kinh doanh chứng khoán và cung cấp các dịch vụ có liên quan đến chức năng quản lý quỹ theo quy định pháp luật hiện hành;
- f) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư như được quy định tại Điều lệ này, do đó thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- g) Tham gia Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Điều lệ Quỹ;
- h) Được quyền yêu cầu Nhà Đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công ty Quản lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu tư nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công ty Quản lý Quỹ và theo pháp luật hiện hành;
- i) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với các đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- j) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ;
- k) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư và/ hoặc Ban Đại diện Quỹ);
- l) Quyết định mức phí mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ dựa trên khung phí được quy định trong Điều lệ Quỹ;
- m) Quyết định tần suất, thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ đảm bảo không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng;
- n) Yêu cầu thanh lý Quỹ VEOF nếu Giá trị Tài sản ròng của Quỹ thấp hơn mức quy định tại điểm e khoản 1 Điều 61 của Điều lệ Quỹ này.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

33.1 Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác;
- d) Theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 61 của Điều lệ Quỹ này;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

33.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.

33.3. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

34.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng giám sát của Quỹ.

34.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát của Quỹ và ngược lại.

34.3 Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ chỉ được mua, bán các Chứng chỉ Quỹ thông qua đại lý chuyển nhượng như một Nhà Đầu tư thông thường.

34.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.

34.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.

34.6 Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản

lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thường đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.

34.7 Công ty Quản lý Quỹ sẽ không được:

- a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
- b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
- c) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- d) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- e) Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác; Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty Quản lý Quỹ, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật

f) Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kinh tế là Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ.

g) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty Quản lý Quỹ; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

34.8. Công ty Quản lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.

34.9. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ

phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

34.10. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

34.11. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

Chương VII: Ngân hàng giám sát

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán.

Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.

Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ được là đối tác mua, bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

36.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

- g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi quỹ phân chia lợi nhuận hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- m) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- n) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

36.2 Quyền của Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ.
- c) Ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký các tài sản trong nước và ở nước ngoài của Quỹ theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động ủy quyền này. Việc ủy quyền và thực hiện ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

37.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định

giá tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quý là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quý.

- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quý;
- e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quý.

37.2 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

37.3 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quý.

37.4 Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính của Công ty Quản lý Quỹ, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ phối hợp cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quý, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quý theo quy định của pháp luật.

37.5 Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quý và Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quý, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

37.6 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quý trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ.

Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

37.7 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

37.8 Một số quy định khác liên quan đến giới hạn hoạt động và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát.

- a) Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và Ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.

Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng giám sát, Ngân hàng giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ đã gửi tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện quyền của mình, Công ty Quản lý Quỹ, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng giám sát, liên quan tới đăng ký của các chứng khoán này dưới tên Quỹ hoặc liên quan tới việc gửi tiền mặt trong tài khoản của Quỹ, Ngân hàng giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

- b) Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản cáo bạch Quỹ, Điều lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại diện Quỹ hoặc Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ, ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.

- i. Ngân hàng giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quý sử dụng ít nhất hai (02) nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
- ii. Ngân hàng giám sát được chỉ thị bởi Quý (hoặc Ban đại diện Quý hoặc Đại hội Nhà Đầu tư) hoặc Công ty Quản lý Quý sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quý; hoặc
- iii. Ngân hàng giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quý mà được cung cấp tới Ngân hàng giám sát bởi: (i) Ban Đại diện Quý hoặc Công ty Quản lý Quý; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện Quý hoặc Công ty Quản lý Quý chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quý tới Ngân hàng giám sát.

Những điểm (i), (ii) và (iii) được đề cập trên đây được gọi chung là "Những Định giá bị ảnh hưởng"

- c) Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quý.
- d) Quý và Công ty Quản lý Quý đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng giám sát) mà Ngân hàng giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị ảnh hưởng.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Ngân hàng giám sát

38.1 Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quý trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng giám sát tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quý và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
- b) Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quý hoặc Ban Đại diện Quý được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
- d) Quý hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
- e) Quý sát nhập hoặc hợp nhất vào một Quý khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;

f) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;

g) Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sát nhập bởi ngân hàng khác.

38.2 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt khi:

a) Công ty Quản lý Quỹ tìm được Ngân hàng giám sát thay thế và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và toàn bộ nghĩa vụ được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát thay thế; hoặc

b) Quỹ bị giải thể theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 61 của điều lệ này.

Chương VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ thuê Nhà Cung Cấp Dịch Vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Bản Điều Lệ này và luật pháp liên quan.

Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- a) Hoạt động Đại lý chuyển nhượng;
- b) Hoạt động quản trị Quỹ đầu tư;
- c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cần đạt các điều kiện sau:

- a) Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
- b) Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
- c) Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- d) Am hiểu về luật pháp có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- e) Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ.
- f) Nhà cung cấp dịch vụ phải sẵn sàng cho hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

41.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền;

- a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;

- b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa tổ chức ủy quyền và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

41.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của pháp luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho Bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;
- b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại điểm a và b Điều 39 Điều lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của mỗi quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;
- d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của công ty quản lý;
- e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định (nếu có).

Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

42.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;

42.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

42.3 Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty Quản lý Quỹ bằng chi phí của mình được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

42.4 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

42.5 Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

42.6 Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;

42.7 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

42.8 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

42.9 Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền;
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

43.1 Quyền và nghĩa vụ tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại điều 41.2 và theo đề nghị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ;
- d) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

43.2 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Điều lệ này, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác được chấp thuận của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh

Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở

Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở:

- Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở;
- Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công ty Quản lý Quỹ và Nhà Đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Công ty Quản lý Quỹ được phân phối Chứng chỉ Quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm:

- a) Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính của công ty và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của công ty. Việc thực hiện thông qua Internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán;
- b) Các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối

45.1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

- a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

- b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- c) Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
- d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
- e) Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

45.2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:

- a) Làm đại lý ký danh;
- b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

45.3. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.

Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường

Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.

Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai Công ty Kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;

- b) Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm;
- c) Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 48. Năm tài chính

48.1 Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quý sẽ được tính từ ngày Quý được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ/ Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quý được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quý được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ/ Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

Quý sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quý do các cơ quan có thẩm quyền quy định được cụ thể trong chính sách kế toán do Công ty Quản lý Quỹ soạn lập và được Ban Đại diện Quý thông qua.

Điều 50. Báo cáo tài chính

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quý và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quý.

Báo cáo tài chính bán niên/ các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quý phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quý và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà Đầu tư có thể tham khảo.

Điều 51. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quý.

Chương XI: Giá trị Tài sản ròng của Quý

Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản ròng của Quý và giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quý trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quý.

Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban Đại diện Quý thông qua.

Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quý phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý

phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quý trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

Giá trị Tài sản ròng của Quý phải được xác định định kỳ một (01) tuần một (01) lần hoặc ngắn hơn theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ cho Nhà Đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày Giá trị Tài sản ròng của Quý giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quý giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục, Công ty Quản lý Quỹ phải thanh lý tài sản Quý để giải thể quỹ theo quy định

Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quý

Giá trị Tài sản ròng của Quý được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quý, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quý tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của công ty, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết sổ tay định giá của Quý do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật và đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quý bằng Giá trị Tài sản ròng của Quý chia cho tổng số Đơn vị Quý đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản ròng của Quý được hạch toán vào Quý.

Chính sách định giá các tài sản của Quý sẽ được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ Quý và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quý thông qua và được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quý

Quy trình định giá tài sản Quý như sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quý trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng, thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt

động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

- b) Ngân hàng giám sát xác nhận Giá trị Tài sản ròng của Quý và giá trị ròng trên một Đơn vị Quý. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý Quý chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quý điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi tư (24) giờ.

Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, quỹ

55.1 Công ty Quản lý Quý có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quý mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng trở lên;

55.2 Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quý trước thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quý Nhà Đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quý;
- b) Đối với Quý: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quý mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

55.3 Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá cao, mức đền bù cho Quý và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quý trong thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quý Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quý;
- b) Đối với Quý: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quý mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quý bị định giá sai và Quý đã mua lại trong thời gian đó.

Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư và cho quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quý, trừ chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 55.2, điểm a khoản 55.3 Điều này được hạch toán vào Quý.

55.4 Trường hợp mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm 2 và 3 Điều này nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) đồng, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quý thay vì thanh toán cho Nhà Đầu tư.

55.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và/ hoặc Điều lệ Quý có liên quan.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

56.1 Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

56.2 Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất để Ban Đại diện Quỹ quyết định.

Chương XII: Lợi Nhuận Và Chi Phí Quản Lý

Điều 57. Lợi nhuận của quỹ

57.1 Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

57.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

57.3 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

57.4. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau: Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai tại Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

57.5. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

57.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
- d) Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

57.7 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận Quỹ, phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

57.8 Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

57.9 Vì quyền lợi của Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư. Ban Đại diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại hội Nhà Đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ.

Điều 58. Chi phí hoạt động của quỹ

58.1 Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ: Phí quản lý được tính bằng một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) trên Giá trị tài sản ròng ("GTTSR") của Quỹ và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí thu hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý của kỳ định giá = (1,75% x GTTSR tại ngày định giá * số ngày thực tế trong kỳ) / 365

58.2 Chi phí thường hoạt động: Quỹ VEOF không áp dụng chính sách thường hoạt động.

58.3 Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

a) Phí giám sát là không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) trên GTTSR một (01) năm, tối thiểu là hai mươi hai triệu (22.000.000) đồng một (01) tháng.

b) Phí lưu ký là không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) trên GTTSR một (01) năm, tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng.

Mức phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ("VAT"), các chi phí ngoài thông thường bao gồm nhưng không giới hạn như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư.

58.4 Phí giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

a) Phí giao dịch chứng khoán là một trăm năm mươi nghìn (150.000) đồng trên một (01) giao dịch mua/bán chứng khoán chưa bao gồm VAT;

b) Phí giao dịch khác: bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

58.5 Chi phí trả cho tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng được chi tiết tại Bản cáo bạch.

58.6 Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

58.7 Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

58.8 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.

Chương XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ

Điều 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 60. Các điều kiện tách quỹ

60.1 Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

60.2 Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện giải thể quỹ

61.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- b) Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ
- c) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- d) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
- e) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- f) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới ba mươi (30) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
- g) Công ty Quản lý Quỹ được quyền đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận giải thể Quỹ trong trường hợp giá trị tài sản ròng xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.

- h) Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu thanh lý hợp đồng khi giá trị tài sản ròng giảm dưới năm mươi (50) tỷ đồng mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

61.2 Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích

Điều 62. Kiểm soát xung đột lợi ích.

62.1 Công ty Quản lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
- c) Các quy định khác tại điều 31.1 và 34.5 của Điều lệ Quỹ này.

62.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

62.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

Chương XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Điều 63. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản, bằng đường bưu điện hoặc bằng thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

Mọi thông báo và/hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu tư đăng ký. Đồng thời, mọi thông báo và tài liệu gửi qua hình thức thư điện tử được xem là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư đã đăng ký với Quỹ. Nhà Đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty Quản lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu tư đăng ký.

Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quỹ nhận.

Công ty Quản lý Quý thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 64. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Điều lệ Quý chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội Nhà Đầu tư. Ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Quý không phải xin ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư;

- a) Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý, kể cả những thay đổi được chấp thuận bởi UBCKNN.
- b) Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ Quý

Điều 65. Đăng ký điều lệ

Bản Điều lệ này bao gồm mười lăm (15) Chương, sáu mươi sáu (66) Điều và bốn (04) Phụ lục được Đại hội Nhà Đầu tư của Quý thông qua và UBCKNN phê duyệt lần đầu và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quý hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quý thì mới có giá trị.

Điều lệ này được lập thành bảy (07) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- a) Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- b) Bốn (04) bản lưu tại văn phòng của Công ty Cổ phần Quản lý Quý VinaCapital
- c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 66. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quý. Công ty Quản lý Quý chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục số 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quý

Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Công ty QLQ và NHGS

Phụ lục số 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quý VEOF

Phụ lục số 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VinaCapital)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008;
- Giấy phép điều chỉnh số: 33/GPĐC-UBCK cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012;
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 09 tháng 2012;
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 06 năm 2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 10 năm 2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 07 năm 2017;
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 05 năm 2018.

VinaCapital cam kết thực hiện các điều sau đây:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính VinaCapital hoặc những người có liên quan đến VinaCapital có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của VinaCapital trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của VinaCapital cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được VinaCapital hoặc người đại diện VinaCapital công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa VinaCapital và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.



Ngày 31 tháng 05 năm 2018

Phụ lục số 2: Cam Kết Của Ngân hàng giám sát

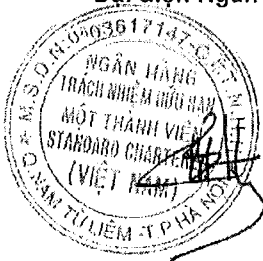
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam) (SCBVN).

- Giấy phép hoạt động số: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quý trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quý luôn luôn có một Công ty Quản lý Quý tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quý.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quý thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quý với Công ty Quản lý Quý theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quý khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quý và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quý, việc định giá tài sản Quý, việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quý, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quý theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quý.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quý không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quý hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quý được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện Ngân hàng giám sát



Ngày tháng năm 2018

Madhavi Daluwatte
Giám Đốc Nghiệp Vụ
Khối Nghiệp Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung Của Công ty Quản lý Quỹ Và Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VinaCapital)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 3/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008;
- Giấy phép điều chỉnh số: 33/GPĐC-UBCK cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam) ("SCBVN")

- Giấy phép hoạt động số: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

VinaCapital và SCBVN cùng cam kết:

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc

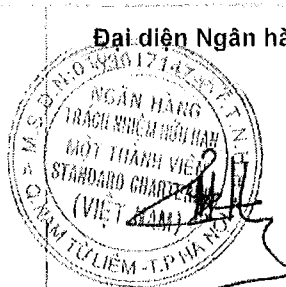
Bản cáo bạch.



Đại diện VinaCapital
Nguyễn Thị Thái Thuận

Tổng Giám đốc của VinaCapital

Ngày: 31/05/2018



Đại diện Ngân hàng SCBVN

Madhavi Daluwatte
Giám Đốc Nghiệp Vụ
Khởi Nghiệp Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp

Ngày:

Phụ lục số 4: Phương Pháp Xác Định Giá trị tài sản ròng của Quỹ VEOF

I. Nguyên tắc chung

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital có trách nhiệm xây dựng phương pháp xác định giá trị tài sản ròng (GTTSR) của Quỹ VEOF với nội dung chi tiết như sau:

- a. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ và thông lệ quốc tế;
- b. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá quy định tại điểm a nêu trên phải rõ ràng, hợp lý để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau, phải được Ngân hàng giám sát xác nhận và Ban Đại diện Quỹ và/ hoặc Đại hội Nhà Đầu tư phê chuẩn theo đúng quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định có liên quan.

II. Phương pháp xác định GTTSR cho một số loại tài sản chủ yếu của Quỹ VEOF như sau:

A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

1. Tiền đồng Việt Nam: Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3. Tiền gửi kỳ hạn: Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

B. Trái phiếu

1. Trái phiếu niêm yết: Giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến (không bao gồm) ngày định giá, thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- i. Giá mua (Giá sạch) cộng lãi lũy kế;
- ii. Mệnh giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn (*) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất thì giá trái phiếu hợp lý được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. Phương pháp định giá trái phiếu trong trường hợp này được đề nghị như sau:

Giá trái phiếu được tính trên cơ sở sử dụng lợi suất trái phiếu cùng kỳ hạn xác định theo phương pháp nội suy từ đường cong lợi suất chuẩn cung cấp bởi Bloomberg vào ngày trước ngày định giá.

- + Công thức tính giá trái phiếu được sử dụng là công thức tính giá trái phiếu được áp dụng trên Bloomberg
- + Giá trái phiếu bao gồm giá sạch và lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá
- + Lợi suất trái phiếu cùng kỳ hạn theo phương pháp nội suy được xác định như sau:

$$Y = \{LY + (UY - LY) \times (TTM - LTM) / (UTM - LTM)\}$$

Y	Lợi suất nội suy của trái phiếu (%)
LY	Lợi suất trái phiếu chuẩn của kỳ hạn tham chiếu ngắn hơn liền kề được xác định sau 4 giờ chiều của ngày trước ngày định giá theo Bloomberg (%)
TTM	Kỳ hạn còn lại của trái phiếu cần định giá (năm)
LTM	Kỳ hạn tham chiếu ngắn hơn liền kề (năm)
UY	Lợi suất trái phiếu chuẩn của kỳ hạn tham chiếu dài hơn liền kề xác định sau 4 giờ chiều của ngày trước ngày định giá theo Bloomberg (%)
UTM	Kỳ hạn tham chiếu dài hơn liền kề (năm)

Kỳ hạn tham chiếu và lợi suất chuẩn sử dụng từ đường cong lợi suất chuẩn theo Bloomberg

Kỳ hạn tham chiếu	Lợi suất trái phiếu chuẩn
10 đến 15 năm	10 năm & 15 năm
7 đến 10 năm	7 năm & 10 năm
5 đến 7 năm	5 năm & 7 năm
3 đến 5 năm	3 năm & 5 năm
2 đến 3 năm	2 năm & 3 năm
1 đến 2 năm	1 năm & 2 năm

2. Trái phiếu không niêm yết: Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau (trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá):

- Giá mua (Giá sạch) cộng lãi lũy kế;
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;

Ghi chú:

- Giá yết trái phiếu: Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng để định giá là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

(*) Biến động lớn:

- + Trái phiếu Chính phủ: vượt quá +/- 1%
- + Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương: vượt quá +/- 2%
- + Trái phiếu doanh nghiệp: vượt quá +/-2%

C. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch: giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá, thì sử dụng phương pháp định giá của cổ phiếu tại khoản C.2 của Sổ tay định giá này được quy định chi tiết dưới đây:
2. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, giá cổ phiếu được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá;
- Giá trị sổ sách;
- Giá mua;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

3. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị sổ sách;
- Mệnh giá;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

4. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

5. Cổ phần, phần vốn góp khác là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị sổ sách;
- Giá mua/giá trị vốn góp;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

D. Các tài sản được phép đầu tư khác

Giá xác định theo phương pháp do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ngân hàng giám sát xác nhận và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

III. Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội/ Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Bloomberg/ Reuters/ VNBF) để tham khảo;
- Tổ chức báo giá đối với cổ phiếu là các công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;
- Tại phần này của Sổ tay định giá, ngày được hiểu là ngày làm việc.
- T: ngày giao dịch được công bố trong Bản cáo bạch.

